TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 195 /2019/HNGĐ-ST
Ngày: 22 - 10 - 2019.
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tú

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Phú và Ông Lê Đức Hiếu.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Thể, Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Đinh Thanh Tâm, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 159/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2019, về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07/10/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị V, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn H, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

- Bị đơn: Anh Cao Xuân L, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn H, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt lần thú 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn xin ly hôn đề ngày 26/7/2019 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị Võ Thị V trình bày như sau:*** Nguyên đơn và anh Cao Xuân L có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 02 năm, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 23/7/2009, tại Uỷ ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vợ chồng sống có hạnh phúc được thời gian 06 năm, sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng nhau. Anh L nghe cha mẹ và gia đình anh về gây gổ, chửi bới chị, không có trách nhiệm với vợ, con. Vợ chồng cãi vã xúc phạm nhau. Anh L đánh chị nhiều lần. Từ đó, chị V và anh L

sống ly thân từ tháng 5/2017 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, cuộc sống mỗi người tự lo liệu. Nay chị V không còn tình cảm vợ chồng với anh L nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Cao Xuân L.

- Về con chung: Vợ chồng có 2 người con chung là Cao Võ Bảo Tr, sinh ngày 31/5/2011; Cao Xuân Ph, sinh ngày 01/12/2013. Khi ly hôn, chị V yêu cầu Tòa án giải quyết giao 2 con chung của vợ chồng là cháu Tr và cháu Ph cho chị được chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị V không yêu cầu anh Cao Xuân L phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Võ Thị V trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, chị Võ Thị V đã nộp các tài liệu, chứng cứ gồm: Bản sao Trích lục kết hôn; Hai bản sao Trích lục khai sinh Cao Võ Bảo Tr; Cao Xuân Ph; Bản sao sổ hộ khẩu mang tên Cao Xuân L; Bản sao giấy chứng minh nhân dân Võ Thị V.

**** Đối với bị đơn anh Cao Xuân L:*** Tòa án nhân dân huyện P đã thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn là anh Cao Xuân L. Sau khi nhận được thông báo của Tòa án, ngày 25/8/2019, anh L đã có bản trình bày ý kiến như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn với chị Võ Thị V.

- Về con chung: Anh L cũng thừa nhận là vợ chồng có 2 người con chung như chị V đã trình bày là đúng. Nay anh giao 2 người con chung của vợ chồng là Cao Võ Bảo Tr và Cao Xuân Ph cho chị V tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh L không đề cập đến tài sản chung, nợ chung của vợ chồng. Tòa án đã tiến hành xác minh nội dung trình bày ý kiến đúng với nguyện vọng của anh Cao Xuân L.

**** Tại biên bản xác minh ngày 21/10/2019, Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế cho biết:*** Vợ chồng chị Võ Thị V, anh Cao Xuân L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L ngày 23/7/2009. Quá trình chung sống thì vợ chồng chị V, anh L có xảy ra mâu thuẫn. Hiện nay anh L đang bị tai nạn giao thông nặng, đi lại khó khăn. Ủy ban nhân dân xã đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và đã giao lại cho anh L được nhận (gồm Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập; các Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải). Do điều kiện anh L vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và phải đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/10/2019, Tòa án mở phiên tòa đưa vụ án ra xét xử nhưng anh Cao Xuân L vắng mặt lần thứ nhất. Tòa án đã ra Quyết định hoãn phiên tòa và thực hiện thủ tục tống đạt Quyết định hoãn phiên tòa cho anh L theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay (22/10/2019), anh L vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh L.

**** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*** Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người tham gia tố tụng. Bị đơn cơ bản đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự; Tuy nhiên, do điều kiện sức khỏe anh L đã không có mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 22//8/2019, ngày 06/9/2019; cũng như tại phiên tòa sơ thẩm ngày 16/10/2019 và tại phiên tòa hôm nay.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58,81,82,83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị V. Về án phí dân sự: Chị V phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo Điều 175, Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì việc tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án đối với bị đơn anh Cao Xuân L là hợp lệ nhưng vì lý do bị tai nạn giao thông, đi lại khó khăn nên bị đơn không thể có mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải cũng như tại phiên tòa. Bởi vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị V và anh Cao Xuân L có đăng ký kết hôn vào ngày 23/7/2009, tại Uỷ ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh L là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét về quá trình hôn nhân giữa chị V và anh L, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình sống chung, giữa chị V và anh L đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng nhau. Chị V và anh L sống ly thân từ tháng 5/2017 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, cuộc sống mỗi người tự lo liệu.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh L đã có bản trình bày ý kiến gửi Tòa án thì anh cũng đồng ý ly hôn nhưng anh không đến Tòa án để hòa giải được vì thực tế hiện nay anh bị tai nạn giao thông, đi lại khó khăn, anh L đề nghị Tòa án giải quyết các yêu cầu của chị V theo quy định của pháp luật. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị V và anh L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị V.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 2 người con chung là Cao Võ Bảo Tr, sinh ngày 31/5/2011; Cao Xuân Ph, sinh ngày 01/12/2013. Chị V có nguyện vọng nuôi 2 người con chung, không yêu cầu anh Cao Xuân L cấp dưỡng nuôi con. Ý kiến của anh L cũng đồng ý giao 2 con chung cho chị V được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Đối với cháu Tr đã trên 07 tuổi cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét thấy hiện nay anh L vì tình trạng sức khỏe do tai nạn giao thông, không có điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con, nên cần giao các con chung Cao Võ Bảo Tr, Cao Xuân Ph cho chị V tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy nghĩa vụ nuôi con là của cả vợ chồng, người không trục tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử đã giải thích đầy đủ cho chị V rõ về quy định này nhưng chị V vẫn giữ nguyên quan điểm không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Võ Thị V trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Võ Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị V. Chị V được ly hôn anh Cao Xuân L.

2. Về việc nuôi con: Giao 2 người con chung của vợ chồng là Cao Võ Bảo Tr, sinh ngày 31/5/2011; Cao Xuân Ph, sinh ngày 01/12/2013 cho chị Võ Thị V được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Anh Cao Xuân L không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Cao Xuân L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Võ Thị V trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chị Võ Thị V phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ chị V đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/006612, ngày 26/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; chị V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TT-Huế;
- VKSND tỉnh TT-Huế;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P
- Đương sự;
- UBND xã L, huyện P, tỉnh TT-Huế;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Trần Ngọc Tú